

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16-9-2020

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Tịnh Thới

Bà Trần Thị Kim Tân

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Kim Hương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ- Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2020/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D- sinh năm 1991 (vắng mặt)

ĐKTT: Tổ 2, Ấp 5, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Phạm Cần T- sinh năm 1984 (vắng mặt)

ĐKTT: Ấp 14, xã M, huyện B, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 2, Ấp 5, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Cần T kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/11/2011 tại UBND xã H. Cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp. Anh T thường hay nhậu nhẹt, say xỉn rồi về nhà kiếm chuyện chửi mắng, xúc phạm chị D và phía bên gia đình chị D. Anh T còn đập phá đồ đạc trong nhà. Vợ chồng không còn sống chung nay đã 01 năm, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai

quan tâm đến ai. Nay chị D không còn tình cảm với anh T, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Ngọc Khánh C - sinh ngày 09/11/2012. Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Vợ chồng không có nợ chung và không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Cần T trình bày:

Anh T thống nhất với lời trình bày của chị D về điều kiện kết hôn giữa hai vợ chồng, về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh T trình bày là do giữa anh và bên gia đình vợ không hòa thuận, đôi lúc mẹ vợ xúc phạm anh T làm anh T bức tức chửi chị D. Tuy nhiên, mâu thuẫn giữa vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, anh T có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng. Còn nếu chị D vẫn kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn và đồng ý giao con chung cho chị D nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn không chấp hành đầy đủ triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Phạm Cần T; giao con chung cháu Phạm Ngọc Khánh C - sinh ngày 09/11/2012 cho chị D nuôi dưỡng. Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Cần T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2011, có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định, nên hôn nhân của anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[2] Về yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D: Chị D cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp. Anh T thường hay nhậu nhẹt, say xỉn rồi về nhà kiếm chuyện chửi mắng, xúc phạm chị D và phía bên gia đình chị D. Anh T còn đập phá đồ đạc trong nhà. Vợ chồng không còn sống chung nay đã 01 năm, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay chị D không còn tình cảm với anh T, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Còn anh T cho rằng giữa anh và bên gia đình vợ không hòa thuận, đôi lúc mẹ vợ

xúc phạm anh T làm anh T bức tức chửi chị D. Tuy nhiên, mâu thuẫn giữa vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, anh T có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng. Còn nếu chị D vẫn kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Từ những tình tiết trên cho thấy trong cuộc sống vợ chồng giữa chị D và anh T đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về tính cách, sinh hoạt, lối sống, cả hai đã không tự giải tỏa được những mâu thuẫn vợ chồng. Nay chị D không còn tình cảm, không còn tự nguyện cuộc sống chung vợ chồng với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị D yêu cầu nuôi dưỡng con chung, anh T đồng ý giao con cho chị D nuôi dưỡng, nên công nhận sự thỏa thuận của anh chị.

Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh T và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh T và chị D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Phạm Cần T.
2. Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc Khánh C - sinh ngày 09/11/2012 cho chị Nguyễn Thị D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Phạm Cần T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

Khi cần thiết, anh Phạm Cần T và chị Nguyễn Thị D được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thị D nộp theo biên lai thu số 0009104 ngày

25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được tính trừ vào án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND xã Xuân Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Nguyệt